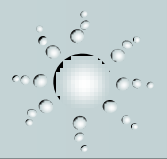
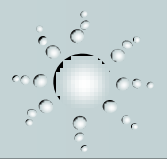


CHƯƠNG 5:

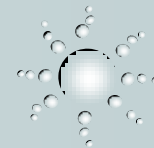
KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM



- **Phân biệt** chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
- **Hiểu** được đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
- **Nắm được** phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm từ đó **áp dụng** vào việc tính giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp sản xuất

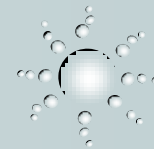


- Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01, 02
- Thông tư 200/2014/TT – BTC
- TS. Lê Thị Thanh Hà và ThS Nguyễn Quỳnh Hoa, 2013. *Giáo trình Kế toán tài chính – Trường ĐH Ngân hàng TP HCM*, NXB Tài chính
- PGS.TS. Võ Văn Nhị, 2010. *Kế toán tài chính – Trường ĐH Kinh tế TP HCM*, NXB Tài chính
- Báo cáo tài chính của DN niêm yết



1. Khái quát về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
2. Kế toán chi phí sản xuất
3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
4. Trình bày thông tin trên BCTC

1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP

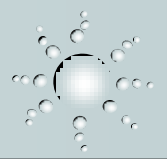


1.1. Khái niệm

1.2. Đối tượng

1.3. Phân loại

1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP



1.1. Khái niệm

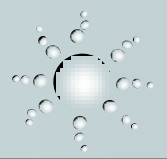
Chi phí sản xuất
(Manufacturing costs)

Biểu hiện bằng tiền toàn bộ **hao phí lao động sống và lao động vật hóa** mà DN bỏ ra để tiến hành SXKD **trong 1 kỳ nhất định**

Giá thành sản phẩm
(Finished Goods/
Cost of good sold)

Biểu hiện bằng tiền toàn bộ **hao phí lao động sống và lao động vật hóa** liên quan đến **khối lượng SP, DV hoàn thành**

1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP



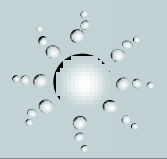
1.1. Khái niệm

- CPSX trong một kỳ kế toán liên quan đến sản phẩm đã hoàn thành và sản phẩm dở dang.
- Giá thành SP chỉ tính cho sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ.

➔ Mọi quan hệ giữa CPSX và giá thành:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{CPSX kỳ} & & & & \text{CPSX} \\ \text{SP hoàn} & = & \text{trước} & + & \text{phát sinh} & - & \text{chuyển} \\ \text{thành} & & \text{chuyển} & & \text{trong kỳ} & & \text{sang kỳ} \\ & & \text{sang} & & & & \text{sau} \end{array}$$

1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP



1.2. Đối tượng

Chi phí sản xuất

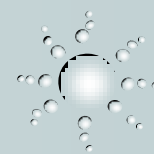
Xác định giới hạn tập hợp CP → xác định nơi phát sinh CP và nơi chịu CP

Giá thành sản phẩm

SP, bán thành phẩm hay công việc nhất định cần tính giá thành một đơn vị

Khác nhau, nhưng cũng có khi đồng nhất

1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP



1.2. Đối tượng

(1) Đặc điểm quy trình công nghệ

Chi phí sản xuất

Giá thành sản phẩm

SX giản đơn

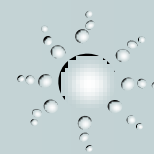
Sản phẩm

SX phức tạp

Bộ phận, chi tiết SP,
các giai đoạn chế biến,
PX, ...

SP cuối cùng, bán
thành phẩm ở từng
bước chế biến

1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP



1.2. Đối tượng

(2) Loại hình sản xuất

Chi phí sản xuất

Giá thành sản phẩm

SX đơn chiếc/hàng loạt với KL nhỏ

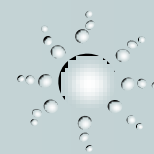
Đơn đặt hàng riêng biệt

SP của từng đơn đặt hàng

SX hàng loạt với KL lớn

Phụ thuộc vào quy trình công nghệ

(3) Yêu cầu và trình độ quản lý, tổ chức SXKD



1.3. Phân loại

➤ *Phân loại CPSX*

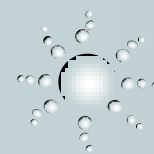
✓ *Theo lĩnh vực hoạt động*

- CP SXKD
- CP hoạt động khác

✓ *Theo yếu tố chi phí*

- CP nguyên liệu, vật liệu (Material costs)
- CP nhân công (Labour Costs)
- CP khấu hao TSCĐ (Depreciation Costs)
- CP dịch vụ mua ngoài (Service Costs)
- CP bằng tiền khác (Other costs)

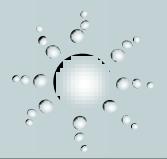
1. KHÁI QUÁT VỀ CPSX VÀ GIÁ THÀNH SP



1.3. Phân loại

➤ Phân loại CPSX

- ✓ **Theo PP tính nhập CP vào giá thành SP**
 - CP trực tiếp (Direct Costs)
 - CP gián tiếp (Indirect Costs)
- ✓ **Theo khoản mục CP trong giá thành SP**
 - CP nguyên vật liệu trực tiếp (Direct material Costs)
 - CP nhân công trực tiếp (Direct Labour Costs)
 - CP sản xuất chung (Manufacturing overhead Costs)
- ✓ **Theo quan hệ CP và SP hoàn thành**
 - Định phí (Fixed Costs)
 - Biến phí (Variable Costs)

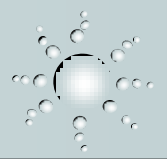


1.3. Phân loại

➤ Phân loại giá thành

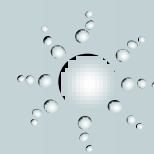
- ✓ ***Căn cứ vào thời điểm tính và nguồn số liệu***
 - Giá thành kế hoạch (Planned Costs)
 - Giá thành định mức (Standard Costs)
 - Giá thành thực tế (Actual costs)
- ✓ ***Căn cứ theo phạm vi phát sinh CP***
 - Giá thành sản xuất
 - Giá thành toàn bộ

2. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT



- 2.1 Kế toán chi phí NVL trực tiếp
- 2.2. Kế toán nhân công trực tiếp
- 2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

2. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT



➤ Quy trình KT tổng hợp CPSX và tính giá thành SP

Mở thẻ/mở sổ chi tiết CP



Phản ánh CP phát sinh liên quan



Tổng hợp CP theo từng đối tượng

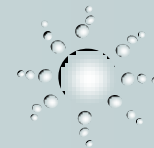


Đánh giá SPDD



Tính tổng giá thành

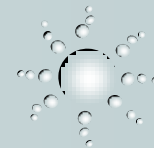
2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



➤ Khái niệm

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Direct material costs) bao gồm những chi phí về nguyên liệu, vật liệu tiêu dùng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm, thực hiện dịch vụ trong kỳ sản xuất.

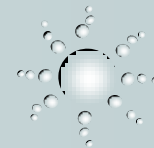
2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



➤ Nguyên tắc kế toán

- CP NVL trực tiếp phải được tính theo **giá thành thực tế**
- Tập hợp theo từng đối tượng riêng biệt
- Trường hợp vật liệu xuất dùng liên quan nhiều đối tượng mà không thể hạch toán riêng thì áp dụng **phương pháp phân bổ** (theo tiêu thức phân bổ: định mức tiêu hao, tỷ lệ số lượng sản phẩm...)

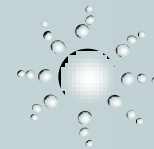
2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



➤ Nguyên tắc kế toán

- CP NVL trực tiếp vượt trên mức bình thường kết chuyển vào TK 632 - Giá vốn hàng bán
- Cuối kỳ, kế toán tổng hợp toàn bộ CP NVL trực tiếp kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành sản phẩm
- **TK kế toán:** TK 621 – CP NVL trực tiếp

2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP

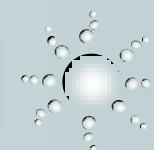


➤ Phương pháp phân bổ

CP p/b cho
từng đối
tượng = Tổng tiêu thức
p/b của từng
đối tượng x Hệ số
phân bổ

Hệ số
phân bổ = $\frac{\text{Tổng giá thực tế CP cần p/b}}{\text{Tổng tiêu thức p/b của tất cả các đối tượng}}$

2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ.....

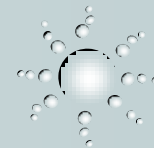
Tài khoản : **621 hoặc 622 hoặc 627**

Tên phân xưởng.....

Tên sản phẩm dịch vụ.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ TK				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng Số tiền	Giá trị tài khoản			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng số phát sinh						
			Ghi Có TK.....						

2.1. KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



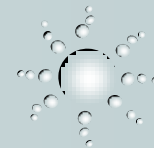
VD1: (ĐVT: 1000đ)

DN xuất 5.250 Kg vật liệu chính để sản xuất hai loại sản phẩm A, B. Đơn giá xuất kho vật liệu chính là 60/kg.

- Trong kỳ, DN đã sản xuất được 240 SP-A, 150 SP-B
- Định mức tiêu hao vật liệu chính để sản xuất một đơn vị SP-A : 10 Kg, SP-B: 12 Kg

Yêu cầu: Xác định giá trị vật liệu chính tiêu dùng cho sản xuất từng loại sản phẩm theo tiêu thức phân bổ: định mức tiêu hao nguyên vật liệu chính

2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



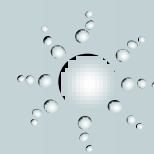
KT TĂNG 621: *

- 1) Xuất kho NVL dùng sản xuất SP, dịch vụ.
- 2) Mua NVL dùng trực tiếp sản xuất SP, dịch vụ (không qua nhập kho).

KT GIẢM 621: *

- 3) Giá trị NVL xuất kho sử dụng không hết:
 - a. Nhập lại kho.
 - b. Chuyển sử dụng kỳ sau.
- 4) Kết chuyển 621 xác định giá thành sản xuất.

2.1 KẾ TOÁN CP NVL TRỰC TIẾP



3a

NVL TRẢ LẠI KHO

TK 152

TK 621 (SP)

TK 154 (SP)

1

BẢNG P.BỔ NVL

3b

ghi âm

CUỐI KỲ K/C CP NVLTT

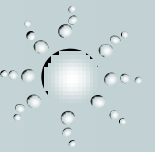
4

TK 331

2

TK 133

2.2 KẾ TOÁN CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP



➤ Khái niệm

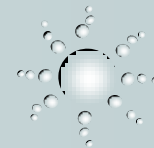
Chi phí nhân công trực tiếp (Direct labour costs) là những *khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất* SP, dịch vụ: tiền lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo quy định.

2.2. KẾ TOÁN CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP

➤ Nguyên tắc kế toán

- Tập hợp theo từng đối tượng riêng biệt
- Trường hợp CP nhân công liên quan nhiều đối tượng mà không thể hạch toán riêng thì áp dụng **phương pháp phân bổ**
- CP nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường kết chuyển vào giá vốn hàng bán
- Cuối kỳ, kế toán tổng hợp toàn bộ CP nhân công trực tiếp kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành SP
- **TK kế toán** : TK 622 – CP NC trực tiếp

2.2. KẾ TOÁN CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP



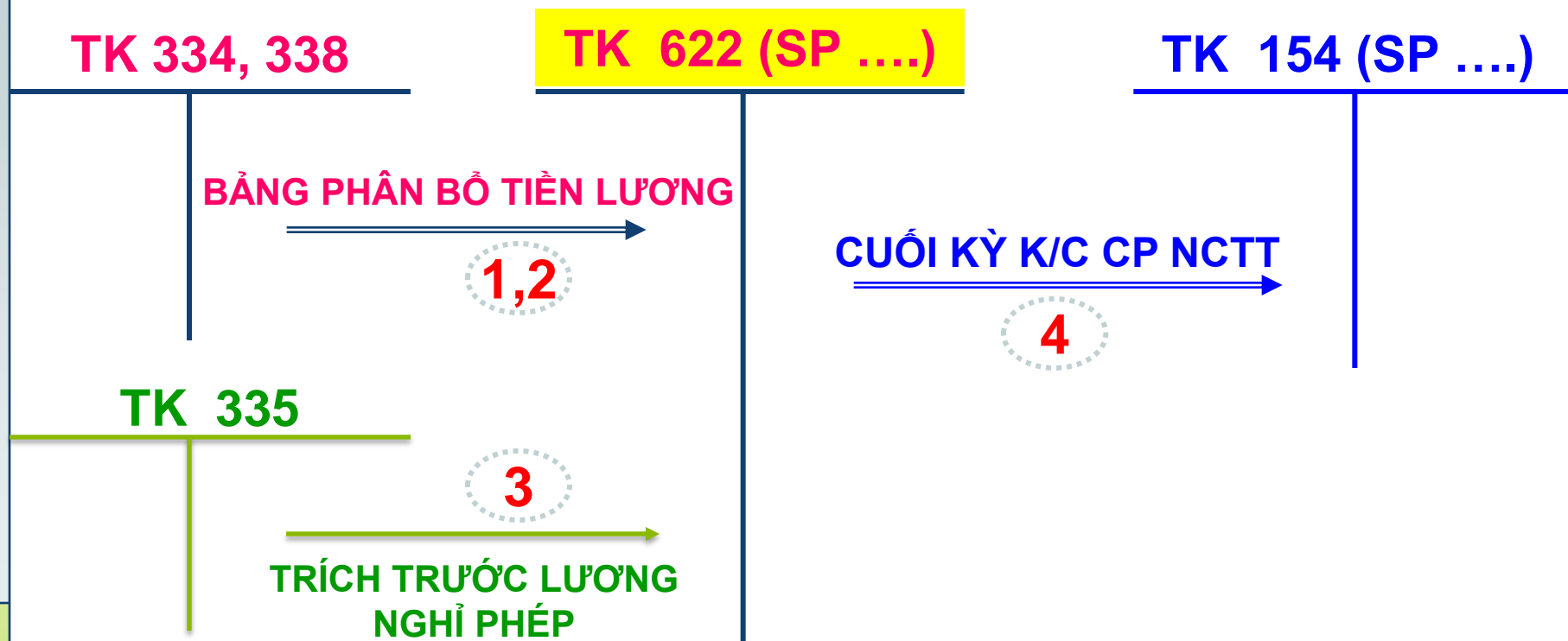
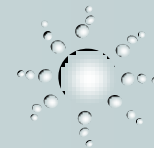
KT TĂNG 622: *

- 1) Tiền lương, phụ cấp phải trả công nhân sản xuất trực tiếp.
- 2) Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo quy định.
- 3) Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất theo kế hoạch.

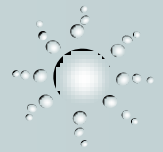
KT GIẢM 622: *

- 4) Kết chuyển 622 xác định giá thành sản xuất.

2.2. KẾ TOÁN CP NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP



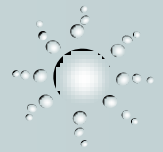
2.2 KẾ TOÁN CP SẢN XUẤT CHUNG



➤ Khái niệm

Chi phí sản xuất chung (Manufacturing overhead costs) là những chi phí liên quan đến tổ chức, quản lý sản xuất trong phân xưởng.

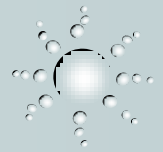
2.3. KẾ TOÁN CP SẢN XUẤT CHUNG



➤ Nguyên tắc kế toán

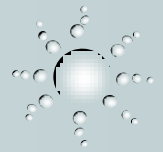
- Tập hợp theo từng phân xưởng, bộ phận, tổ đội sản xuất
- CP sản xuất chung thường có liên quan đến nhiều loại SP, DV nên phải **phân bổ** cho từng đối tượng theo các tiêu thức phù hợp.
- Cuối kỳ, kế toán tổng hợp toàn bộ CP sản xuất chung kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành SP
- **TK kế toán:** TK 627 – CP sản xuất chung

2.3. KẾ TOÁN CP SẢN XUẤT CHUNG



KT TĂNG 627: *

- 1) Tiền lương phải trả NLĐ phân xưởng sản xuất.
- 2) Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo quy định.
- 3) Xuất kho NVL phục vụ sản xuất phân xưởng.
- 4) Phân bổ CCDC phục vụ sản xuất phân xưởng (KT NVL).
 - a) Phân bổ 1 lần.
 - b) Phân bổ nhiều lần.



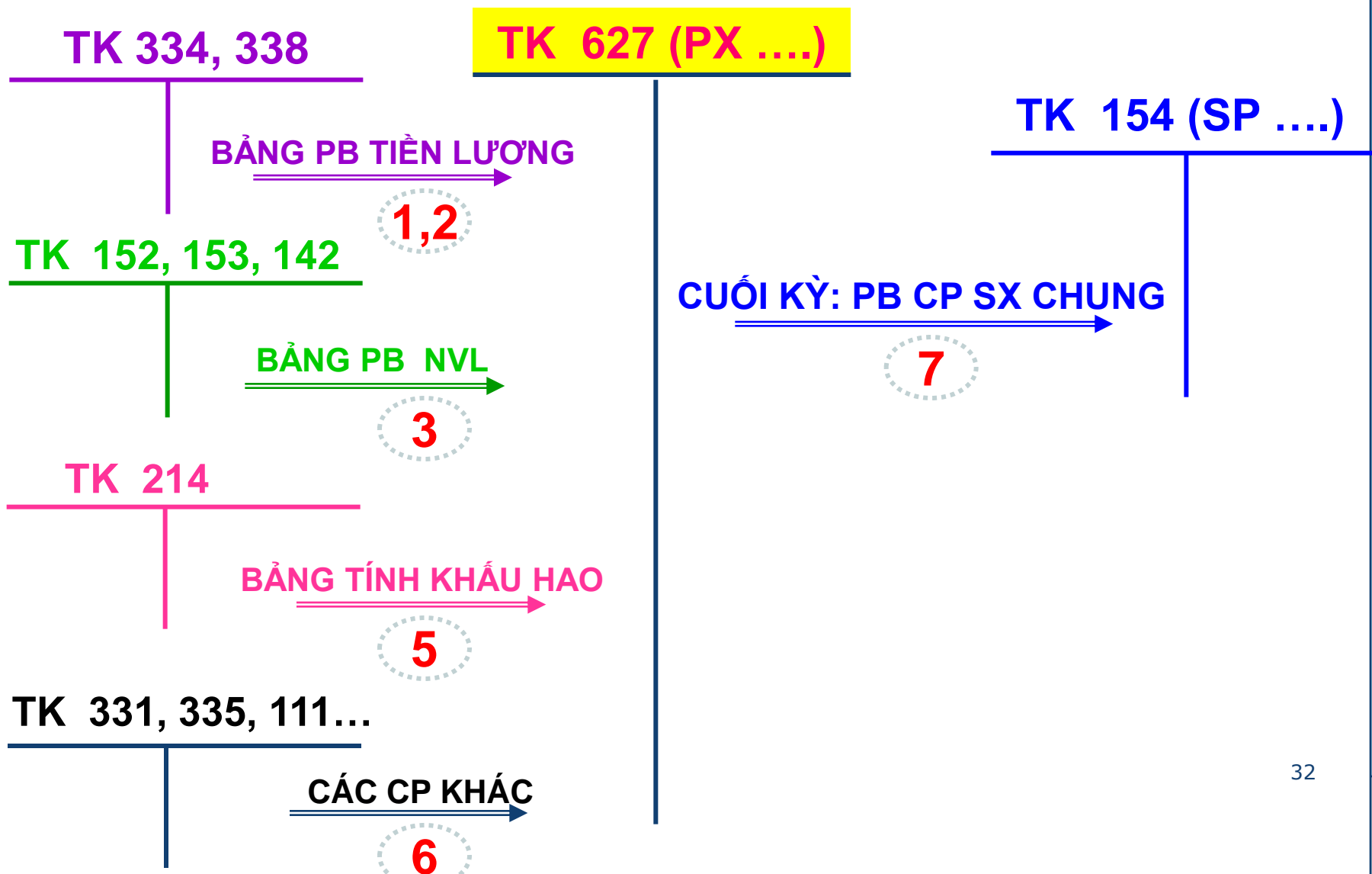
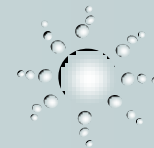
KT TĂNG 627: *

- 5) Khấu hao TSCĐ dùng ở phân xưởng.
- 6) Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng ở phân xưởng.

KT GIẢM 627: *

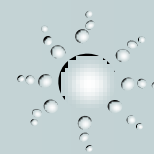
- 7) Kết chuyển 627 xác định giá thành sản xuất.

2.3. KẾ TOÁN CP SẢN XUẤT CHUNG



3. KT TỔNG HỢP CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP

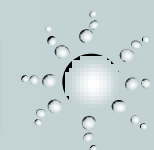
- 3.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất
- 3.2. Đánh giá sản phẩm dở dang
- 3.3. Tính giá thành sản phẩm



➤ Nguyên tắc kế toán

- Tổng hợp CP phát sinh theo địa điểm phát sinh hoặc theo loại, nhóm sản phẩm...
- Tổng hợp CP phát sinh nằm trong khoản mục giá thành đối với DNSX bao gồm: CP NVL trực tiếp, CP nhân công trực tiếp và CP sản xuất chung
- **TK kế toán:** TK 154 – CP SXKD dở dang
(*Work in progress*)

3.1. KẾ TOÁN TỔNG HỢP CP SX



SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

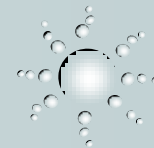
Tài khoản: **154**

Tên phân xưởng.....

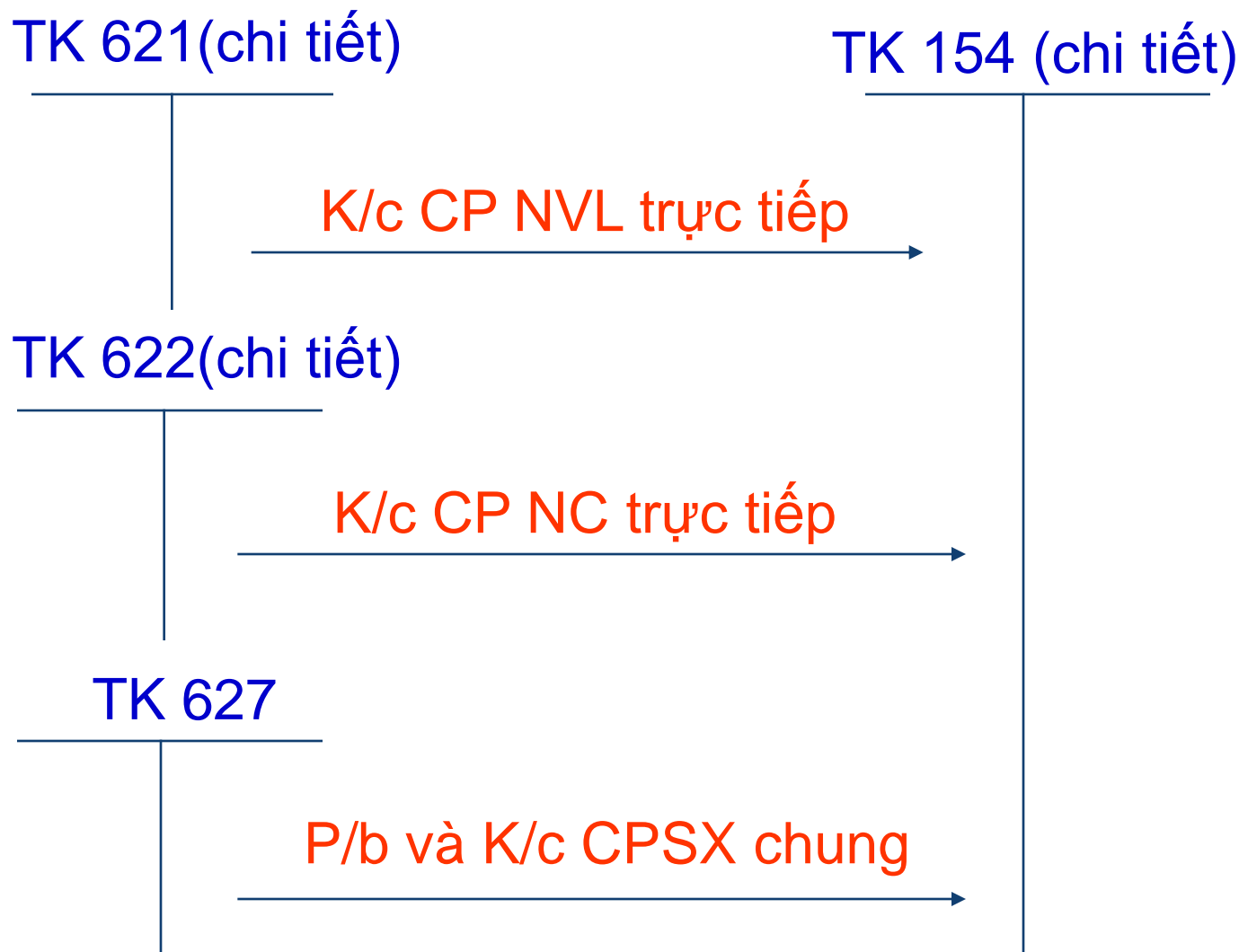
Tên sản phẩm dịch vụ.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ TK 154			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng Số tiền	Trong đó chi phí:		
						NVL TT	NC TT	SXC
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng số phát sinh					
			Tổng giá thành					
			Số dư cuối kỳ					

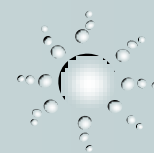
3.1. KẾ TOÁN TỔNG HỢP CP SX



➤ Phương pháp kế toán



3.2. ĐÁNH GIÁ SP DỖ DANG



➤ Quy trình

Bước 1: Kiểm kê SP dở dang



Bước 2: Đánh giá SP dở dang

- *ĐG SP dở dang theo CP NVL*
- *ĐG SP dở dang theo SL ước tính tương đương*
- *ĐG SP dở dang theo 50% CP chế biến*

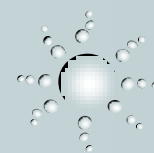
3.2. ĐÁNH GIÁ SP DỜ DANG

PP Chi phí NVL chính hoặc CPNVL trực tiếp

- Ⓢ ĐẶC ĐIỂM: TRONG SPDD CHỈ TÍNH CPNVL CHÍNH HOẶC CPNVL TRỰC TIẾP.
- Ⓢ ƯU ĐIỂM: ĐƠN GIẢN.
- Ⓢ HẠN CHẾ: ĐỘ CHÍNH XÁC KHÔNG CAO.
- Ⓢ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG: KHI CPNVL CHÍNH HOẶC CPNVL TRỰC TIẾP CHIẾM TỶ TRỌNG CAO .

$$\begin{array}{l} \text{CPSXDD} \\ \text{CK} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \end{array} + \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \end{array} - \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{SL SP hoàn} \\ \text{thành} \end{array} + \begin{array}{c} \text{SL SP} \\ \text{hỏng} \end{array} + \begin{array}{c} \text{SL SPDD} \\ \text{CK} \end{array}} \times \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \\ \text{.....} \\ \text{.....} \end{array}$$

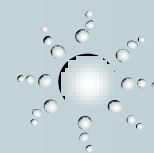
3.2. ĐÁNH GIÁ SP DỜ DANG



PP Sản lượng ước tính tương đương

- ☉ QUY ĐỔI SPDD RA SP HOÀN THÀNH TƯƠNG ĐƯƠNG THEO MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH.
- ☉ PHÂN BỐ TỪNG LOẠI CPSX CHO SPDD THEO NGUYÊN TẮC:
 - ✓ ĐỐI VỚI CP ĐƯA VÀO SX NGAY TỪ BAN ĐẦU CHO CẢ QUÁ TRÌNH SX: PHÂN BỐ ĐỀU CHO CẢ SP HOÀN THÀNH VÀ SPDD KHÔNG PHÂN BIỆT MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH.
 - ✓ VỚI CP ĐƯA VÀO SX THEO TIẾN ĐỘ: PHÂN BỐ CHO CẢ SP HOÀN THÀNH VÀ SPDD ĐÃ QUY ĐỔI.

3.2. ĐÁNH GIÁ SP DỜ DANG



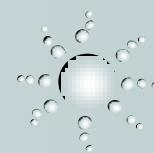
✓ **Đánh giá SPDD theo theo sản lượng ước tính tương đương**

$$\begin{aligned} \text{CP đưa vào SX 1 lần ban đầu} &= \frac{\text{CPSX DD ĐK (k/m tương ứng)} + \text{CPSX PS trong kỳ (k/m tương ứng)} - \text{PL}}{\text{SL SP hoàn thành} + \text{SL SP hỏng} + \text{SL SPDD CK}} \times \text{SL SPDD CK} \quad (1) \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{CP đưa vào SX theo tiến độ} &= \frac{\text{CPSX DD ĐK (k/m tương ứng)} + \text{CPSX PS trong kỳ (k/m tương ứng)}}{\text{SL SP hoàn thành} + \text{SL SP hỏng} + \text{SL SPDDCK}} \times \text{SL SPDDCK} \quad (2) \end{aligned}$$

$$\text{CPSXDD CK} = (1) + (2)$$

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP



➤ Phương pháp tính giá thành

✓ Phương pháp trực tiếp

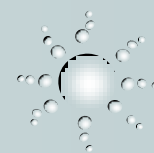
$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{GT SP DD đầu kỳ} + \text{CP phát sinh trong kỳ} - \text{GT SP DD cuối kỳ}}{\text{SL SP hoàn thành}}$$

✓ Phương pháp tổng cộng chi phí

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \text{GT SP DD đầu kỳ} + Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n - \text{GT SP DD cuối kỳ}$$

Z_1, Z_2, \dots : CPSX của chi tiết, bộ phận SP, hoặc giai đoạn, bộ phận sản xuất

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP

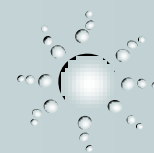


➤ Phương pháp tính giá thành

✓ Phương pháp hệ số

$$\text{Giá thành đơn vị SP chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành các loại sản phẩm}}{\text{SL SP chuẩn} + \text{SL SP quy chuẩn}}$$

$$\text{SL SP quy chuẩn} = \sum_{l=1}^n \text{SL SP loại } l \times \frac{\text{Hệ số quy đổi SP loại } i}{\text{SL SP loại } i}$$



➤ Phương pháp tính giá thành

VD4: Công ty Hoàng Long có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn. Trong quá trình sản xuất đồng thời thu được 2 loại sản phẩm A, B. Tháng 3/N có tình hình như sau: (*ĐVT: 1000đ*)

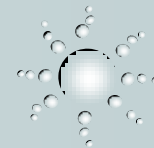
1. Tổng giá thành sản xuất là: **950.000**
2. Số lượng sản phẩm hoàn thành trong tháng
SP – A: **2000** kg; SP – B: **1500** kg;

Hệ số quy đổi sản phẩm tiêu chuẩn

SP – A = 1; SP – B = 1.2

Yêu cầu: Tính giá thành đơn vị từng loại SP

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP



VD4: Bài giải

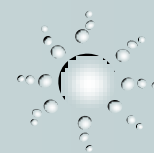
$$\text{SL SP quy chuẩn} = 1.500 \times 1.2 = \mathbf{1.800}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn} \\ \text{vị SP chuẩn} \end{array} = \frac{950.000}{2.000 + 1.800} = 250$$

$$\text{Giá thành đơn vị: SP A} = 250$$

$$\text{SP B} = 250 \times 1.2 = 300$$

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP



➤ Phương pháp tính giá thành

✓ Phương pháp tỷ lệ

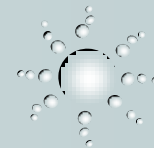
Giá thành từng loại SP có quy cách phẩm chất khác nhau được tính theo tỷ lệ với giá thành ĐM hoặc giá thành KH

VD5: Công ty may Việt Hưng sản xuất nhóm sản phẩm A có quy cách A1, A2. (ĐVT: 1000đ)

- Tổng CPSX nhóm SP này là **520.000**
- Giá thành định mức đơn vị sản phẩm A1 = **150**, A2 = **200**
- Sản lượng SX trong kỳ A1 = **2.000sp**, A2 = **1.000sp**.

Yêu cầu: Tính giá thành đơn vị từng loại SP

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP



VD5: Bài giải

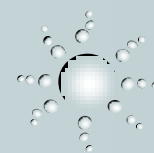
Tổng giá thành
định mức $= 150 \times 2.000 + 200 \times 1.000 = \mathbf{500.000}$

Tỷ lệ giá thành thực
tế và định mức $= \frac{520.000}{500.000} = 1.04$

Giá thành đơn vị: **SP A** $= 150 \times 1.04 = 156$

SP B $= 200 \times 1.04 = 208$

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP



➤ Phương pháp tính giá thành

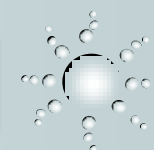
✓ Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{SP chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{GT SP DD đầu kỳ + CPSX phát} \\ \text{sinh trong kỳ - GT SP phụ thu} \\ \text{được - GT SP DD cuối kỳ} \end{array}$$

✓ Phương pháp liên hợp

Kết hợp nhiều phương pháp tính giá thành khác nhau

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP



$$Z_{sx} = \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \\ \text{.....} \end{array} + \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \\ \text{.....} \end{array} - \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \\ \text{.....} \end{array} - \begin{array}{c} \text{.....} \\ \text{.....} \\ \text{.....} \end{array}$$

Các khoản(*) không tính vào giá thành SX

(*) BAO GỒM:

- Giá trị phế liệu thu hồi trong SX.
- Giá trị SP hỏng trong SX ngoài định mức.
- Các khoản vật tư hao hụt trong quá trình SX (nếu có)

3.3. TÍNH GIÁ THÀNH SP

TK 154

D. SPDD ĐK

TK 152 (PL)

K/C

PL thu hồi

TK 621 (SP...)

TK 622 (SP...)

K/C

TK 154 (SP Hỏng)

Giá trị SP hỏng không sửa được

TK 627 (PX...)

PHÂN BỐ

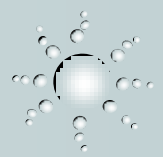
TK 155, 157, 632

Z sx của SP hoàn thành

CPS: CPSX

CPS

D. SPDD CK



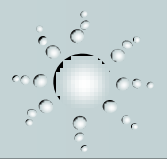
➤ **Bảng cân đối kế toán**
(Statement of Financial Position/ Balance Sheet)

IV. Hàng tồn kho

1. Hàng tồn kho (Inventories)

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)

(Provision for decline in value of inventories)



➤ **Bảng thuyết minh BCTC**

(Notes to the financial statements)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong BCĐKT

7. Hàng tồn kho

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (Work in progress)
- Thành phẩm (Finished Goods)